CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn Đạt Phương

Ngày 31/12/2025	37,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	-

DT thuần
Q4/25
1,639
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 463| 39.3%
YoY: ▲ 193| 13.3%

LN thuần
Q4/25
172
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 70.0| 68.4%
YoY: ▲ 19.0| 12.2%

LN sau thuế
Q4/25
157
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 73.7| 88.3%
YoY: ▲ 27.0| 20.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
13.4%
YoY: +/-▲ 0.7%

ROE
2025
11.8%
YoY: +/-▲ 2.8%

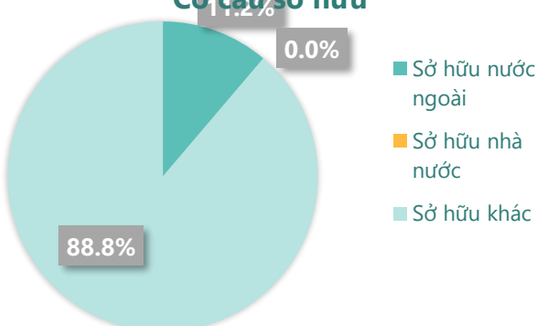
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	25,981 - 51,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,780
Số lượng CPLH (CP)	100,799,032
KLGD BQ 20 phiên (CP)	510,490
Sở hữu nước ngoài	11.2%
Beta	1.16
EPS	3,241
P/E	11.6

DT thuần
2025
4,484
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 906| 25.3%

LN thuần
2025
491
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 137| 38.6%

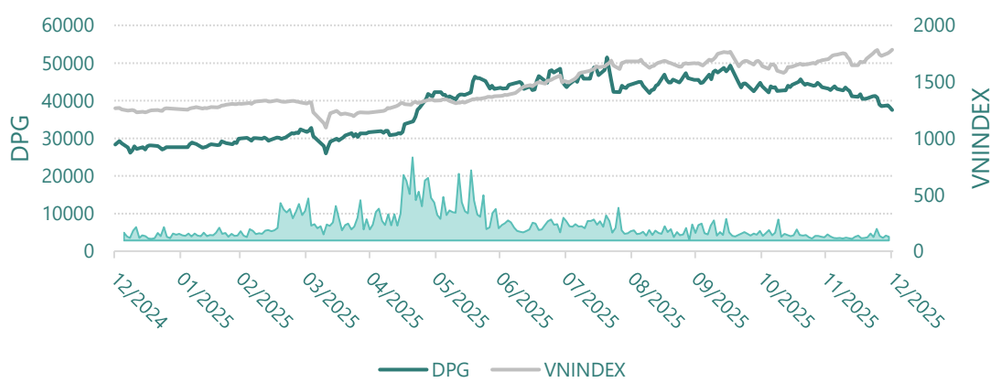
LN sau thuế
2025
445
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 141| 46.2%

Cơ cấu sở hữu

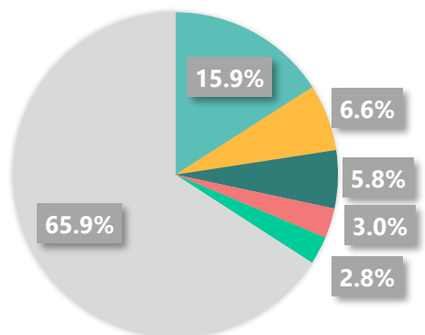


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

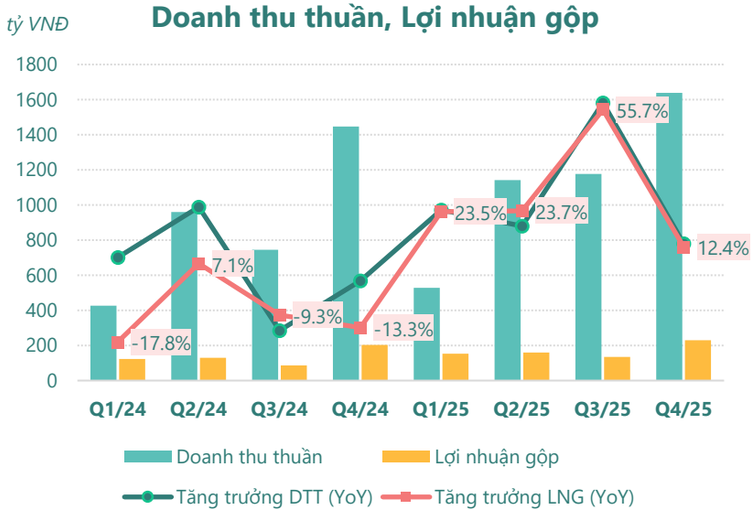


- Lương Minh Tuấn (Chủ tịch HĐQT)
- Phạm Kim Châu (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Trần Anh Tuấn (Tổng giám đốc)
- Lương Thị Thanh
- Trần Thị Thúy Hằng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

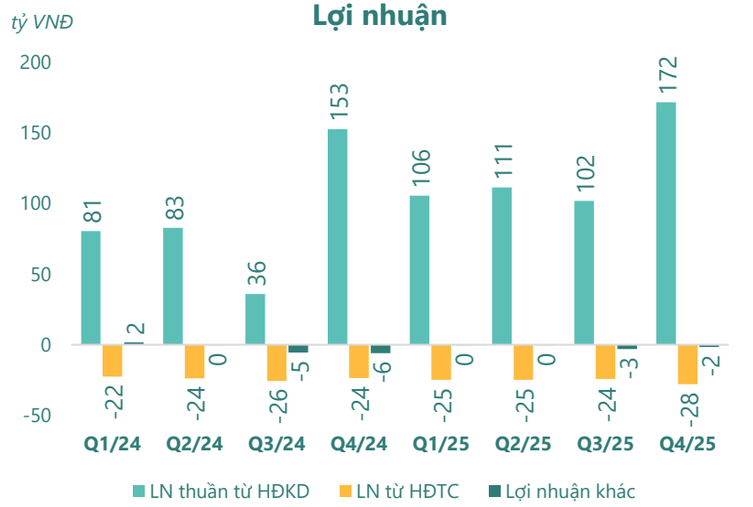
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



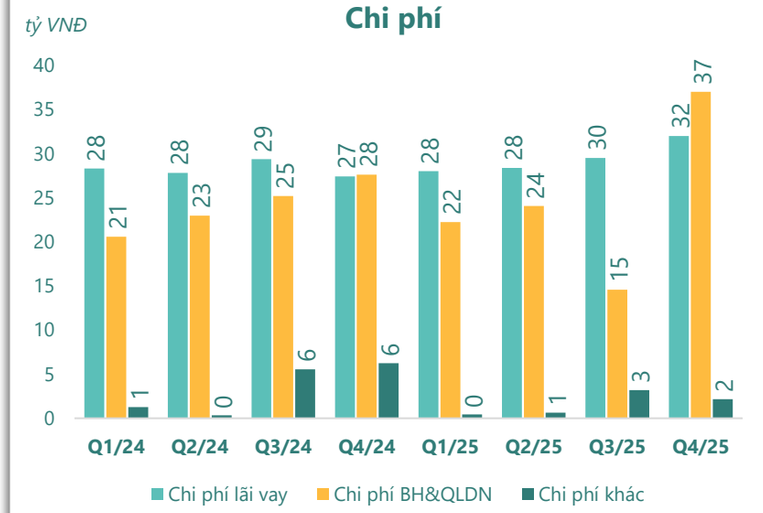
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



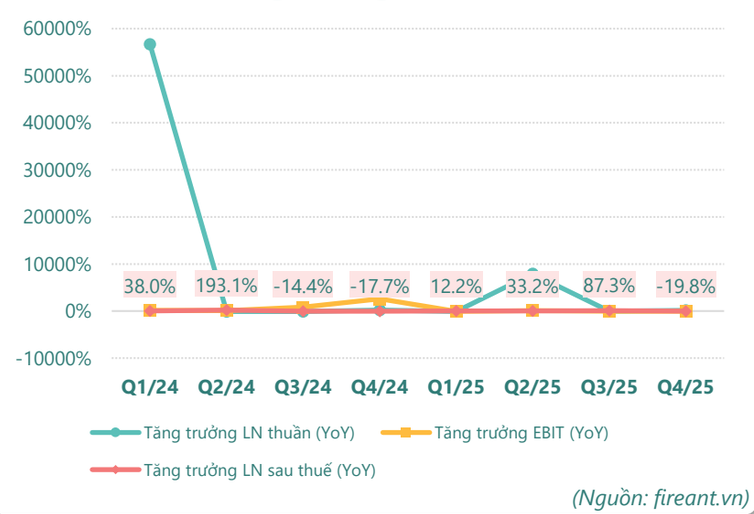
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



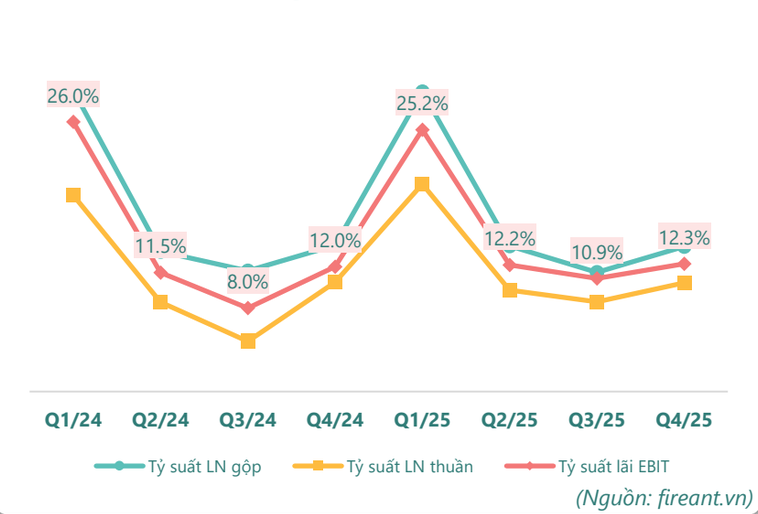
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

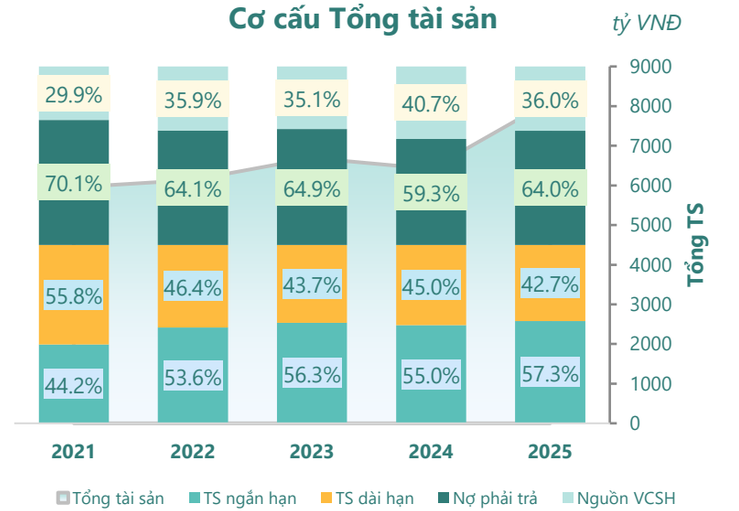
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

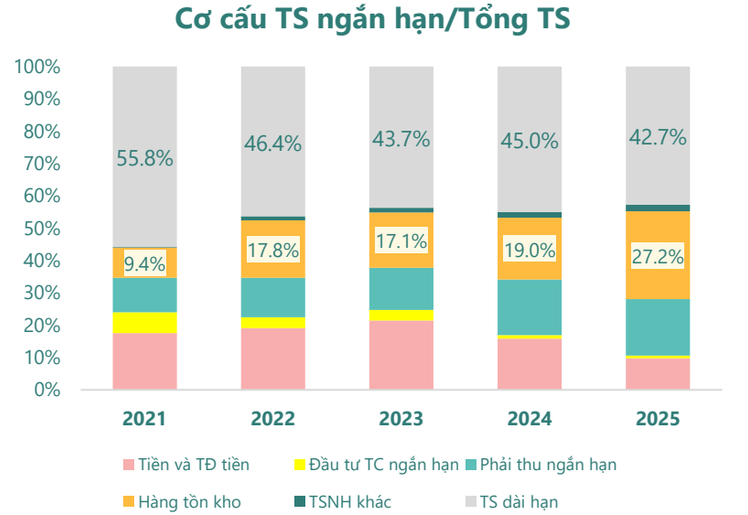
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



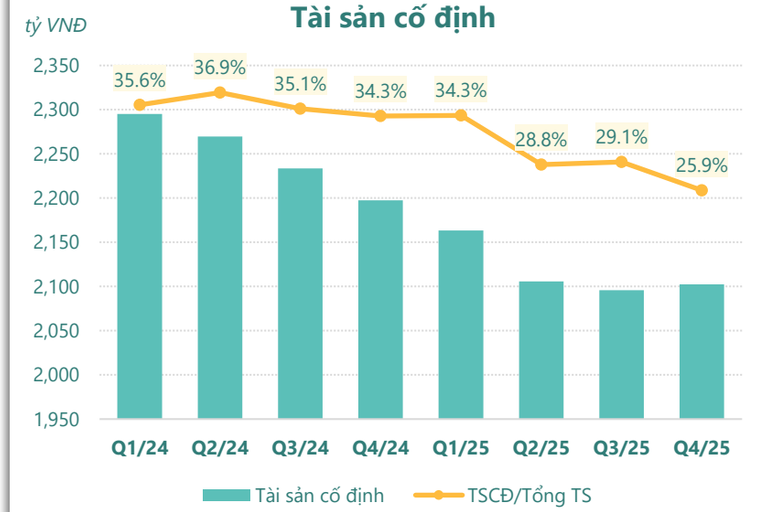
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



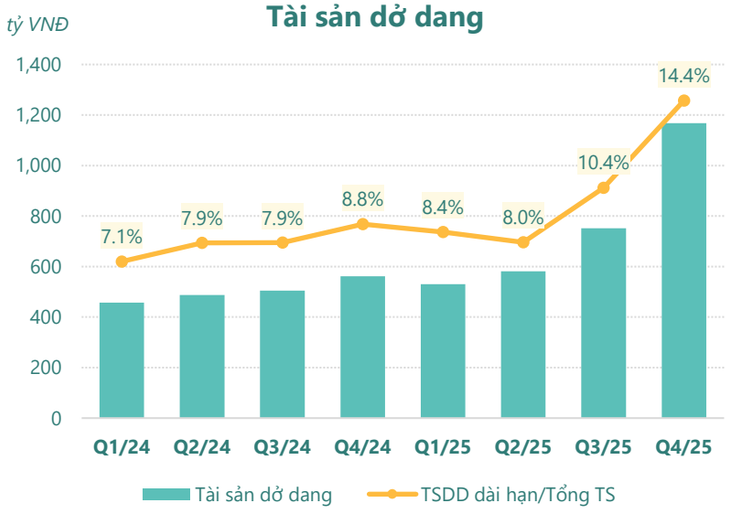
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



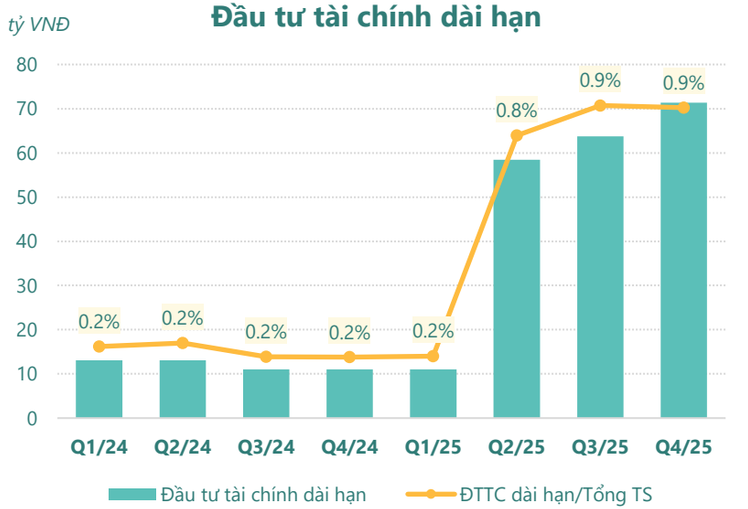
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



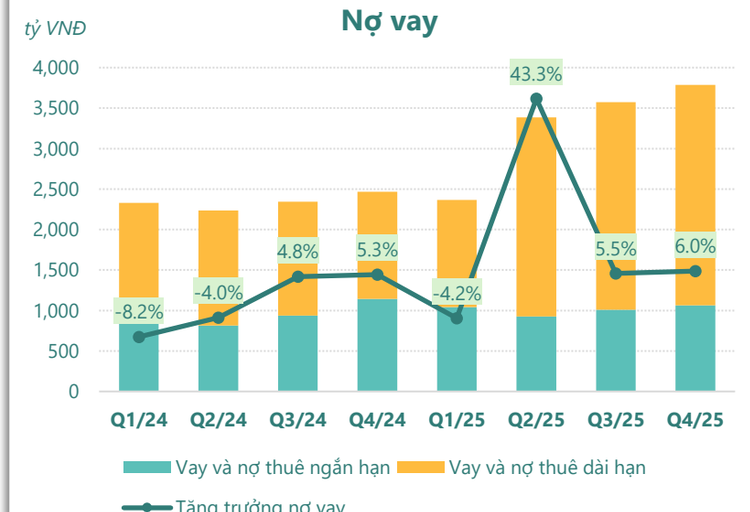
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

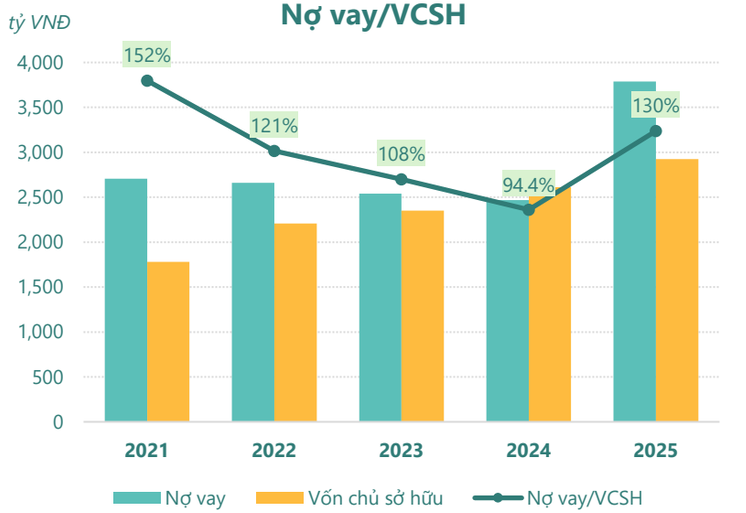
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

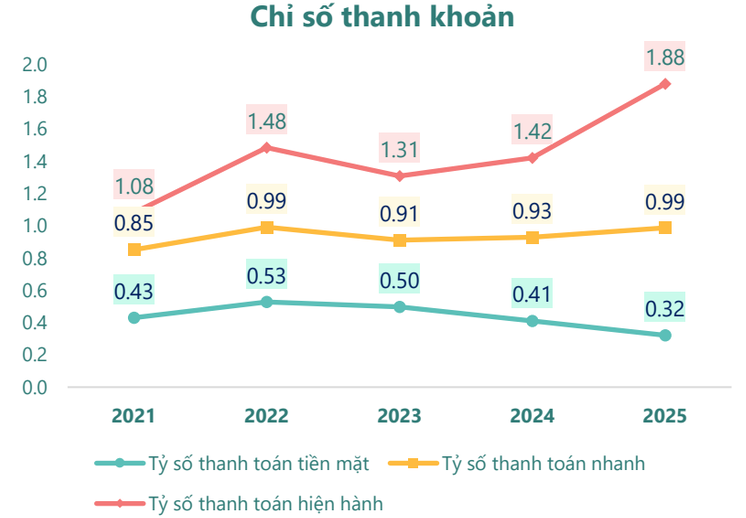
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



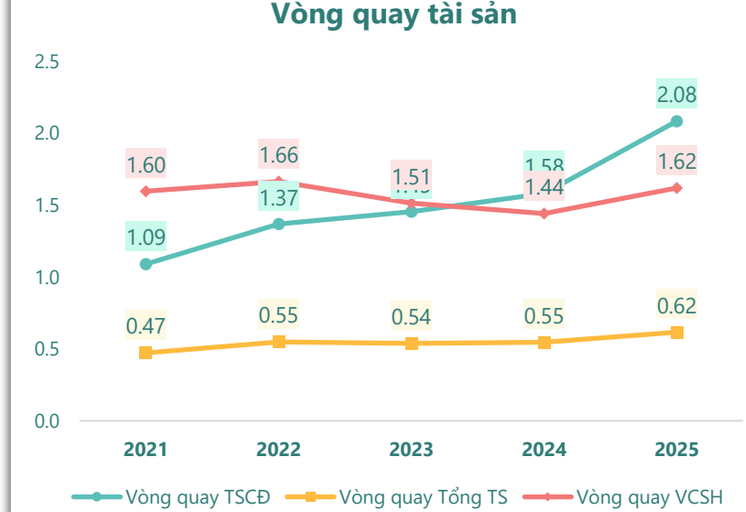
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



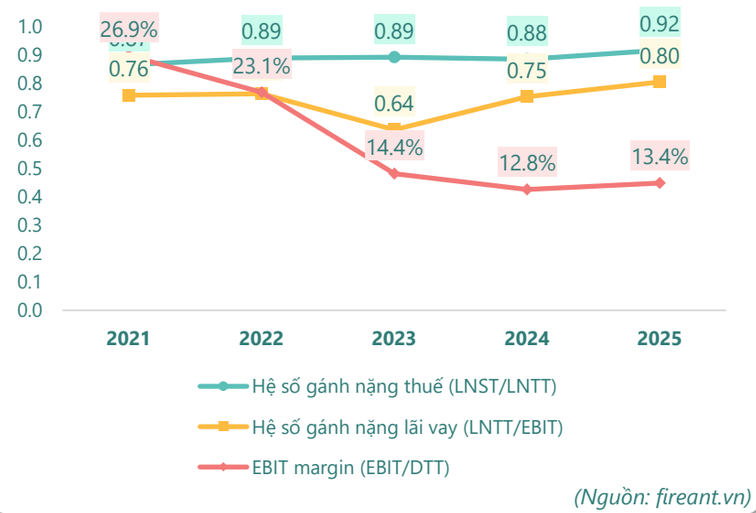
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



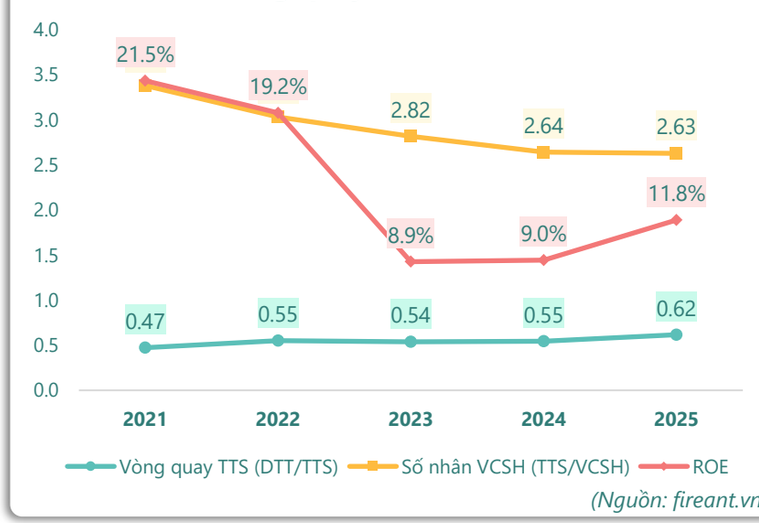
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



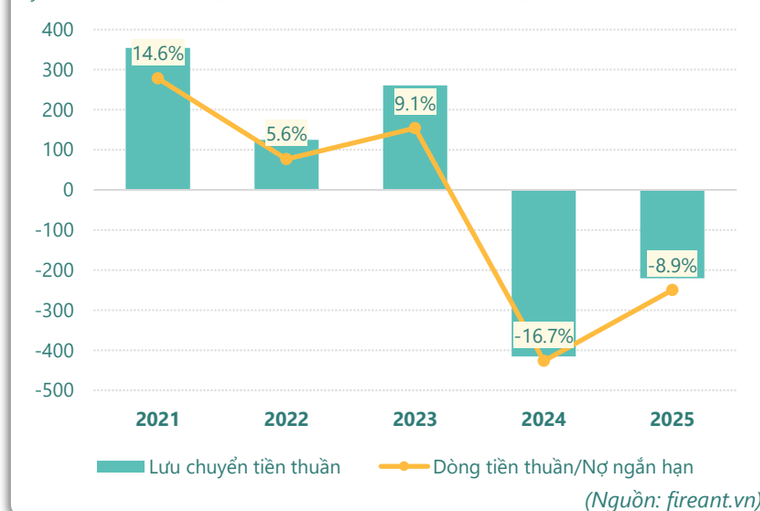
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,639**	**1,446**	**13.3%**	**4,484**	**3,578**	**25.3%**
Giá vốn hàng bán	1,409	1,242	13.5%	3,807	3,031	25.6%
Lợi nhuận gộp	229	204	12.3%	677	547	23.9%
Doanh thu HĐTC	5.19	4.06	27.9%	17.3	17.8	-2.7%
Chi phí TC	33.3	27.7	20.1%	119	114	5.0%
Chi phí lãi vay	32.0	27.4	16.8%	118	113	4.3%
LN trong công ty LKLD	**7.60**	**0.00**		**13.2**	**0**	
Chi phí bán hàng	7.02	0.35	1906%	10.4	1.73	504%
Chi phí QLDN	**30.0**	**27.3**	**9.9%**	**87.5**	**95.2**	**-8.1%**
LN thuần từ HĐKD	172	153	12.2%	491	354	38.6%
Lợi nhuận khác	**-1.60**	**-6.00**	**73.4%**	**-5.49**	**-10.1**	**45.5%**
LN trước thuế	170	147	15.7%	485	344	41.1%
Lợi nhuận sau thuế	**157**	**130**	**20.6%**	**445**	**304**	**46.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**117**	**96.6**	**21.4%**	**327**	**224**	**45.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.5	71.8	-135	-947	-45.7	440
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.1	-48.9	-32.8	20.3	-316	-463
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	65.5	115	-77.5	1,053	70.0	214
Tiền đầu kỳ	814	879	1,017	771	897	605
Lưu chuyển tiền thuần	**64.9**	**138**	**-245**	**126**	**-292**	**191**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	879	1,017	771	897	605	796

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,126**	**6,419**	**26.6%**
Tài sản ngắn hạn	4,656	3,527	32.0%
Tiền và tương đương tiền	796	1,017	-21.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	63.9	69.5	-8.0%
Phải thu ngắn hạn	1,419	1,107	28.2%
Hàng tồn kho	2,211	1,222	80.9%
Tài sản ngắn hạn khác	166	113	47.6%
Tài sản dài hạn	**3,470**	**2,891**	**20.0%**
Phải thu dài hạn	2.86	32.0	-91.1%
Tài sản cố định	2,102	2,200	-4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,168	494	136%
Đầu tư tài chính dài hạn	71.3	11.0	546%
Tài sản dài hạn khác	**126**	**155**	**-18.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,202	3,806	36.7%
Nợ ngắn hạn	**2,477**	**2,481**	**-0.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,065	1,144	-6.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	514	415	23.8%
Nợ dài hạn	2,725	1,325	106%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,723	1,324	106%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,924**	**2,613**	**11.9%**
Vốn chủ sở hữu	**2,924**	**2,613**	**11.9%**
Vốn điều lệ	1,008	630	60.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)